

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4	7:25	22	0		20	0	
2		TD2+P3	7:25	5+17	0+0		3+9	0+0	
3		BK3+PVD2	7:25	4+16	0+0		1+21	0+0	
4		AMD+TGTH4+HSD	9:25	13+6+3	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
5		TD3+P7	9:25	7+15	0+0		6+15	0+0	chuyen 1 td3-p7
6		P1+BK20+BK4	9:25	22+0+0	0+0+0		17+3+0	0+0+0	chuyen 2 bk20-BK4
7		AMD+TGTH5+P4	11:25	7+3+12	0+0+0		2+3+10	0+0+0	
8		TD3+BK5+PPD	11:25	12+0+9	0+0+0		10+0+8	0+0+0	chuyen 2 bk5-ppd
9		P4+P1	11:25	12+10	0+0		0+17	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ P5 đổi ca qua TD3, P4 đi về trong ngày 3 người



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2022	TO: P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - XTrường - QTrường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CANH TÂN	P4					73	KH-THAC	Vietnamese
2	KUPEEB M. B	P4					85	NIPI	Russian
3	BAGRAMOBA Э. K.	P4	89	1	2		75	NIPI	Russian
4	NGUYỄN THANH TÂM	P4	96-97	2	15		73	YTE	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÀ	P4	84	1	6	40	73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	88	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	92	1	11		98	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	P4	81	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG VINH	P4	78	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HOANG	P4	98	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MINH TUÂN	P4	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TUÂN	P4	85	1	10		54	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NHAN HAI	P4	91	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	87	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO MẠNH DŨNG	P4	86	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU VĂN ĐẠT	P4	90	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HOANG SANG	P4	94	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ TÂN DŨNG	P4	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG TRUNG	P4	95	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	99	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P4	600	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	21	139	1.569	40	20		
TOTAL		22	21	139	1.569	40	20		
WEIGHT KG				139	1.569	40			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD2 - P3	CREW: Phong - Mạnh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG HẢI BĂNG	TD2	38	1	5	30	87	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN XUÂN	TD2	39	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VIỆT LINH	TD2	40-41	2	15		104	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	42	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT CHIÊN	TD2	37	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH THUẬN	P3	59-60	2	15	20	62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOAI	P3	58	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN LUƠNG	P3	67	1	20		95	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG NGHĨA	P3	52	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	P3	66	1	11		84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	P3	61	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY CÔNG	P3	64-65	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	62	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THIÊN THANH	P3	55	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	56-57	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	70	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM TUAN KHAI	P3	63	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P3	68	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG SƠN	P3	73-74	2	18	8	66	CODIEN	Vietnamese
20	HOÀNG ĐỨC HẢI	P3	71-72	2	20		65	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT	P3	54	1	6		71	GETRACO	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P3	53	1	5		69	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

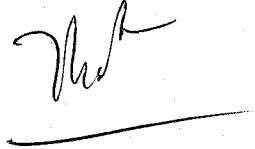
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	36	415	30	3		
2	P3	17	22	162	1.215	28	9		
TOTAL		22	28	198	1.630	58	12		
WEIGHT KG				198	1.630	58			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	TO: BK3 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN THÀNH	BK3	03	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐÌNH ĐẠI	BK3	04,45	2	20		69	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG ĐÌNH VINH	BK3	01-02	2	15	20	70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC CUÔNG	BK3	95	1	10		60	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PVD2	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG THANH TUÂN	PVD2	40-41	2	17		74	NHATHAU	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MẠNH	PVD2	36-37	2	13		73	NHATHAU	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LIÊM	PVD2	33	1	5		63	NHATHAU	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN THỨC	PVD2	50	1	7		70	NHATHAU	Vietnamese
10	VU XUAN PHONG	PVD2	47-48	2	15		78	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THUY	PVD2	35	1	7	20	55	NHATHAU	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HAI	PVD2	42	1	5		57	NHATHAU	Vietnamese
13	ĐẠO VĂN SINH	PVD2	39	1	6		65	NHATHAU	Vietnamese
14	VÔ VĂN ĐÌNH	PVD2	34	1	7		75	NHATHAU	Vietnamese
15	HOANG NGỌC KHANH	PVD2	49	1	5		74	NHATHAU	Vietnamese
16	TRẦN LONG NHẬT	PVD2	46	1	7		62	NHATHAU	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD2	38	1	16		73	NHATHAU	Vietnamese
18	ĐÌNH DUY LONG	PVD2	51	1	12		70	NHATHAU	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN TƯỜNG	PVD2	43	1	14		64	NHATHAU	Vietnamese
20	LÊ TÙNG PHONG	PVD2	44-45	2	11		64	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

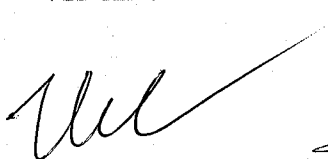
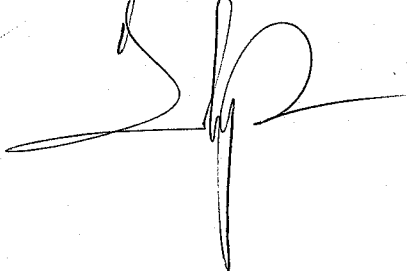
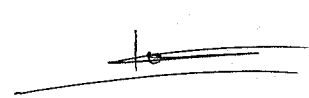
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	6	54	254	20	1		
2	PVD2	16	20	151	1.087	20	21		
TOTAL		20	26	205	1.341	40	22		
WEIGHT KG				205	1.341	40			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	TO: AMD - TGTH4 - HSD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - XTrường - QTrường	ETA: 11:10
XANH-2			

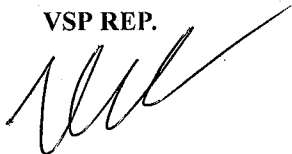
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VO BA LINH	AMD	46-47	2	15		76	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	41,99	2	16		98	TLJOC	Vietnamese
3	K' LỘC	AMD	50	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO SY KHOI	AMD	45	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	AMD	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DUNG	AMD	54-55	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	42-43	2	12	60	85	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG VAN DONG	AMD	53	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HIEU THAO	AMD	90	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SAU	AMD	44	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET LAM	AMD	91	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MANH HA	AMD	51-52	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HUU TINH	AMD	48	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUNG MINH HAI	TGTH4	62	1	8		75	HLJOC	Vietnamese
15	NGO QUANG HUAN	TGTH4	65	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU CUONG	TGTH4	63-64	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TAN ANH ĐỨC	TGTH4	60-61	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	66-67	2	15		88	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM ANH ĐỨC	TGTH4	59	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HUNG	HSD	09-10	2	19		81	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VIỆT PHƯƠNG	HSD	06	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NHA	HSD	07-08	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

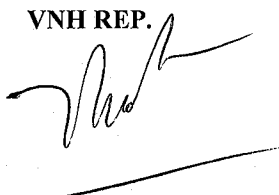
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	18	127	954	60	13		
2	TGTH4	6	9	63	450	0	6		
3	HSD	3	5	41	216	0	3		
TOTAL		22	32	231	1.620	60	22		
WEIGHT KG				231	1.620	60			

GRAND TOAL: 1.851 KGS + 60kg

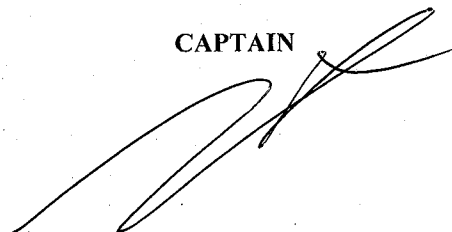
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	TO: TD3 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - Mạnh - Toan	ETA: 11:15
VANG-2			

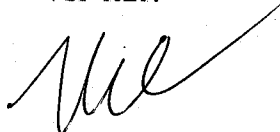
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN NHÂN	TD3	52-53	2	15	7	78	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	TD3	59	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LONG	TD3	60	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUÂN	TD3	55-56	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THAI THANH	TD3	57-58	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VĂN BÁC	TD3					77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG PHÚC	TD3	51	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P7	22	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	31-32	2	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	24	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LỢI	P7	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG VŨ	P7					82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TÂN SANG	P7	37	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THIÊN	P7	33	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CÔNG TÍNH	P7	29	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NGỌC	P7	34	1	11		100	KH-THAC	Vietnamese
17	BABKIN A.M.	P7	36	1	10		100	KH-THAC	Russian
18	VŨ TRƯỞNG GIANG	P7	23	1	13		65	DVL	Vietnamese
19	HOANG VIỆT HÙNG	P7	30	1	5		77	PSV	Vietnamese
20	MAI VĂN TOÀN	P7	25-26	2	15		60	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU CÔNG SÁU	P7	28	1	5	100	82	PSV	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN CHÂU	P7	27	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	9	71	477	7	4	1	CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG P7
2	P7	15	16	112	1.122	100	15		
TOTAL		22	25	183	1.599	107	19		
WEIGHT KG				183	1.599	107			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P1 - BK20 - BK4	CREW: TTrung - VLinH - Huy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV A.V	P1	56	1	7		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN THANH LÊ	P1	62	1	6	15	65	YTE	Vietnamese
3	PHẠM THANH TÀI	P1	46	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẦN TRUNG CHÍNH	P1	52	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	43	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ KIẾN TRUNG	P1	42	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ VINH	P1	40	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DŨNG	P1	44-45	2	11		85	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	53	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	47	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THẮNG	P1	34	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM CƯỜNG	P1	37	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HOÀNG NHÂN	P1	48	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM SỸ HIỆP	P1	41	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ANH SƠN	P1	35	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN DU	P1	36	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	49	1	12	30	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P1	38	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN HUY	P1	57-58	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI NGOC HOANG	P1	50-51	2	19	3	65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TRUNG	P1	54-55	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	26	169	1.551	48	17		CHUYEN 2 PAX BK20-BK4
2	BK20	0	0	0	0	0	3	2	
3	BK4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	26	169	1.551	48	20		
WEIGHT KG				169	1.551	48			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: AMD - TGTH5 - P4	CREW: LTuấn - HUNG - Vũ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DOÀN DUẬN	AMD	92	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	33-34	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI BA HUNG	AMD	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ANH TUẤN	AMD	38-39	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LUONG	AMD	35-36	2	20	70	69	KH-THAC	Vietnamese
6	CHAU HUNG HUY	AMD	37	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	32	1	3		75	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MINH KIEN	TGTH5	52-53	2	16		70	HLJOC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	54-55	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KHÁNH	TGTH5	56	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAM VĂN QUANG	P4	34-35	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN QUANG	P4	49-50	2	13		69	KHI	Vietnamese
13	DƯƠNG MẠNH HIẾN	P4	38-39	2	20		64	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THỨC	P4	37	1	11		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	47-48	2	7		78	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	33	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	46	1	5		62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P4	36	1	6		82	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN MUỘI	P4	45	1	4		54	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	40	1	10		85	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN NHẠC	P4	42	1	6	20	74	BIENDON	Vietnamese
22	BUI ĐÌNH SANG	P4	41	1	10		48	BIENDON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

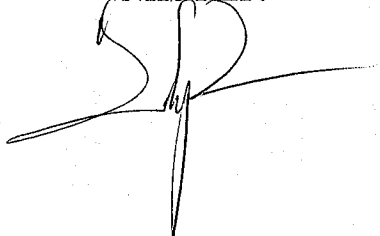
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	10	75	466	70	2		
2	TGTH5	3	5	33	195	0	3		
3	P4	12	16	108	808	20	10		
TOTAL		22	31	216	1.469	90	15		
WEIGHT KG				216	1.469	90			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	TO: TD3 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 13:15
CAM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TO THANH	TD3	61-62	2	8		65	SHINTRA	Vietnamese
2	LE QUY TOAN	TD3	68-69	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
3	DONG VAN THINH	TD3	70	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MACH	TD3	67	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LE DUC THANH	TD3	66	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KHAI	TD3	64	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	TD3	72	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG BA VINH	TD3	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO VAN THANG	TD3	63	1	5	40	57	PSV	Vietnamese
10	LE XUAN TINH	TD3	65	1	9		72	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VIET HA	TD3	73	1	10		74	PSV	Vietnamese
12	LE NGOC SON	PPD	44	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VO HO HAI	PPD	33	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH TIEN	PPD	32	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG CUÔNG	PPD	44	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	42-43	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO XUAN LỢI	PPD	40	1	5	80	80	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC MANH	PPD	35	1	5		73	KHI	Vietnamese
19	TRƯỜNG TRỌNG HÂN	PPD	31	1	4		57	PSV	Vietnamese
20	BUI LONG HUNG	PPD	30	1	5	40	70	PSV	Vietnamese
21	LE HUU TU	PPD	46	1	3		66	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN THUAT	PPD	45	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

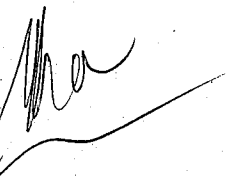
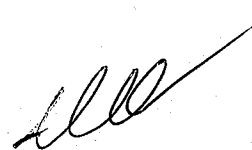
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	13	81	736	40	9		CHUYEN 2 PAX BK5-PPD
2	BK5	0	0	0	0	0	0 + 2		
3	PPD	11	12	63	751	120	9		
TOTAL		22	25	144	1.487	160	18		
WEIGHT KG				144	1.487	160			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	TO: P4 - P1	CREW: Linh - Duong - THU	ETA: 13:20
TÍM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CANH TOAN	P4	77	1	10		68	BIENDONG	Vietnamese
2	NGUYEN VAN MAI	P4	72	1	8		66	BIENDONG	Vietnamese
3	DUONG PHUC HAU	P4	71	1	10		61	BIENDONG	Vietnamese
4	DO TRUNG SY	P4	74-75	2	7	20	68	BIENDONG	Vietnamese
5	TONG NGUYEN NAM	P4	64-65	2	14		80	BIENDONG	Vietnamese
6	PHAN VAN TOAN	P4	76	1	8		70	BIENDONG	Vietnamese
7	VU DINH HUNG	P4	66-67	2	19		63	BIENDONG	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DOAN	P4	62-63	2	18		50	BIENDONG	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG	P4	68	1	5		62	BIENDONG	Vietnamese
10	TRAN MANH DUNG	P4	69	1	12		80	BIENDONG	Vietnamese
11	HOANG PHAM DAI	P4	73	1	8		63	BIENDONG	Vietnamese
12	PHAM QUANG THOM	P4	70	1	7		65	BIENDONG	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG KHANH	P1	65-66	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG TRONG PHUC	P1	70	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN KHANH HUNG	P1	74	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
16	VU QUOC VUONG	P1	69	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SANG	P1	71	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM THANH NHA	P1	72	1	7		78	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN QUAN	P1	75	1	7		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THONG	P1	67	1	4		63	PSV	Vietnamese
21	PHAM PHU BINH	P1	73	1	5		64	PSV	Vietnamese
22	DO LY KHANH	P1	68	1	8		89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	16	126	796	20	0		
2	P1	10	11	89	722	0	10		
TOTAL		22	27	215	1.518	20	10		
WEIGHT KG				215	1.518	20			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

